

Số: *1259*/QĐ-UBND

*Lâm Đồng, ngày 05 tháng 6 năm 2014*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội**  
**huyện Đức Trọng đến năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1462/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 704/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 160/TTr-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đức Trọng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đức Trọng đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

**I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN**

1. Phát triển kinh tế - xã hội huyện Đức Trọng phải đặt trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng và mối quan hệ với thành phố Đà Lạt và các địa phương lân cận.

2. Phát huy tiềm năng thế mạnh của địa phương, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển với tốc độ nhanh và bền vững. Thu hút và đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, coi trọng việc bảo vệ môi trường sinh thái.

3. Phát triển kinh tế nhiều thành phần, đa dạng hoá các loại hình sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra nội lực vững mạnh và môi trường thuận lợi, để thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư và công nghệ mới từ bên ngoài. Gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa các tầng lớp dân cư; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội.

4. Phát huy yếu tố nguồn lực con người, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo nghề, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho lao động nông thôn.

5. Kết hợp hài hoà giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

## **II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, giữ vững vị trí là một trong 4 địa bàn trọng điểm về kinh tế - xã hội và có GDP bình quân đầu người cao hơn bình quân chung của tỉnh. Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá, nâng cao tỷ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế, nhanh chóng đưa huyện Đức Trọng trở thành trung tâm công nghiệp và dịch vụ - thương mại của tỉnh, đồng thời phát huy lợi thế trong sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn công nghiệp chế biến; đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ để nâng cấp huyện Đức Trọng trở thành thị xã trong đó khu vực nội thị có kết cấu hạ tầng tương đương đô thị loại III; đời sống vật chất và văn hoá - tinh thần của nhân dân được cải thiện; quốc phòng - an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

### **2. Mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể**

#### **a) Về phát triển kinh tế:**

- Tăng trưởng GDP bình quân hàng năm thời kỳ 2011-2015 đạt 16.5% (trong đó nông, lâm, thủy sản tăng 9%, công nghiệp – xây dựng tăng 21%, dịch vụ tăng 20,7%); thời kỳ 2016-2020 đạt 15.5% (trong đó nông, lâm, thủy sản tăng 7,3%; công nghiệp - xây dựng tăng 19%; dịch vụ tăng 17,1%).

- GDP bình quân đầu người đến năm 2015 đạt 55,5 triệu đồng và đến năm 2020 đạt 104,3 triệu đồng <sup>(1)</sup>.

- Tỷ trọng ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế vào năm 2015 là 29-30%; 39-40%; 30-31%; đến năm 2020 cơ cấu kinh tế tương ứng là: 22%, 44%, 34%.

- Tỷ lệ huy động vào ngân sách đạt 10-11% GDP, tổng thu ngân sách giai đoạn 2011 - 2015 đạt 3.700-3.800 tỷ đồng, tỷ lệ huy động ngân sách so với GDP bằng 10-11% vào năm 2015 và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 8.500-8.600 tỷ đồng, bằng 9-9.5% so với GDP vào năm 2020.

- Tổng vốn đầu tư xã hội thời kỳ 2011-2015 khoảng 25.968 tỷ đồng, thời kỳ 2016- 2020 khoảng 52.344 tỷ đồng.

#### **b) Về phát triển xã hội:**

---

<sup>(1)</sup> Theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1462/QĐ-TTg ngày 23/8/2011 thì đến năm 2015 GDP bình quân đầu người toàn tỉnh đạt 44,5 - 46,2 triệu đồng và vào năm 2020 đạt 92 - 100 triệu đồng.

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn dưới 1,05%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40-45% (đào tạo nghề 35%) vào năm 2015 và 50-55% (đào tạo nghề 45%) vào năm 2020; giải quyết việc làm hàng năm cho 4.000 lao động.

- Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,5 – 2%/năm theo chuẩn nghèo từng giai đoạn, trong đó vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu vùng xa giảm trên 4%/năm.

- Xây dựng các trường học đạt chuẩn, đến năm 2015 có 50% trường mầm non, 80% trường tiểu học, 40% trường trung học cơ sở và 33,3% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia; đến năm 2020 có 100% trường mầm non, 94,3% trường tiểu học, 85% trường trung học cơ sở và 83,3% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

- Duy trì các trạm y tế xã đạt chuẩn; năm 2020 bình quân có 30 giường bệnh/vạn dân, 7 bác sỹ/vạn dân; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới 10% vào năm 2015 và dưới 7% vào năm 2020.

- Đến năm 2015 có 85% thôn, buôn, tổ dân phố và 80-85% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hoá; đến năm 2020 có 95% thôn, buôn, tổ dân phố và 90% gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa. Xây dựng đồng bộ và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hoá cộng đồng. Đến năm 2015 có trên 25% dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên và trên 30% vào năm 2020.

#### c) Về bảo vệ môi trường:

- Duy trì độ che phủ của rừng 45-48%.

- Đến năm 2015, 90-95% dân cư nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; thu gom và xử lý 100% rác thải nguy hại và 80% rác sinh hoạt; 80% số hộ nông thôn có công trình sinh hoạt hợp vệ sinh; đến năm 2020, toàn bộ dân cư sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, 100% hộ sử dụng điện, 100% rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC**

#### **1. Về nông - lâm – ngư nghiệp và xây dựng nông thôn mới**

- Nông nghiệp: hiện đại hóa nông nghiệp – nông thôn; đẩy mạnh thâm canh, ứng dụng công nghệ cao và áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và hiệu quả sản xuất, gắn sản xuất nông nghiệp với sơ chế, bảo quản sau thu hoạch và công nghiệp chế biến. Đẩy mạnh chăn nuôi tập trung gia súc, gia cầm. Phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn, sớm hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

a) Về trồng trọt: ổn định diện tích đất sản xuất nông nghiệp khoảng 32.000 – 34.000 ha, bố trí lại cơ cấu cây trồng để nâng cao hiệu quả sử dụng đất; thực hiện thâm canh, cải tạo giống, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, hình thành các khu nông nghiệp công nghệ cao với các sản phẩm chủ lực là rau, hoa.... Đến năm 2015 giá trị sản xuất bình quân đạt 130 triệu đồng/ha/năm và đến năm 2020 đạt 170 triệu đồng/ha/năm; 100% diện tích được cơ giới hóa khâu làm đất, trên 70% diện tích được cơ giới hóa đến khâu thu hoạch vào năm 2020.

- Rau, hoa: phát triển sản xuất rau hoa ôn đới cao cấp tại các xã Liên

Hiệp, Hiệp An, Hiệp Thạnh, Tân Hội và thị trấn Liên Nghĩa. Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, đến năm 2020, diện tích sản xuất rau hoa trong nhà lưới, nhà kính trên 1.500 ha; áp dụng các giải pháp thâm canh tổng hợp theo hướng sản xuất an toàn. Đến năm 2020, diện tích gieo trồng rau đạt 18.000 ha, sản lượng 172.800 tấn; diện tích gieo trồng hoa đạt 2.000 ha, sản lượng 1 tỷ cành.

- Cây cà phê: tiếp tục duy trì và ổn định diện tích cà phê; tập trung thâm canh, chuyển đổi giống, đổi mới công nghệ sơ chế để nâng cao chất lượng sản phẩm. Đến năm 2020, diện tích cà phê của huyện ổn định với quy mô đạt 15.000 ha (trong đó cà phê giống Catimor chiếm khoảng 50% diện tích), sản lượng đạt trên 48.807 tấn.

- Cây lúa: phát triển thủy lợi để chủ động gieo trồng lúa 2 vụ, triển khai mô hình cánh đồng mẫu lớn để nâng cao tỷ lệ cơ giới hoá trong sản xuất. Chuyển đổi diện tích lúa kém hiệu quả sang trồng rau, hoa. Đến năm 2020, diện tích gieo trồng lúa đạt 3.800 ha, sản lượng 20.500 tấn.

- Cây dâu: từng bước mở rộng diện tích, chuyển đổi giống nhằm nâng cao sản lượng và chất lượng. Phát triển chăn nuôi tầm, phổ biến kỹ thuật nuôi tầm con tập trung. Đến năm 2020, diện tích dâu đạt 1.200 ha (trong đó 80% giống mới), sản lượng kén đạt 1.300 tấn (trong đó 70 - 80% kén chất lượng cao).

- Cây ngô: ổn định vùng sản xuất ngô để cung cấp nguyên liệu cho chế biến thức ăn chăn nuôi; phấn đấu đến năm 2020 diện tích gieo trồng ngô đạt 4.630 ha, sản lượng trên 22.800 tấn.

#### b) Về chăn nuôi:

- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi nhằm nâng cao thể trọng và chất lượng vật nuôi, đặc biệt trong công tác lai tạo và lựa chọn giống. Tăng cường phòng chống dịch bệnh, đảm bảo đàn gia súc, gia cầm được tiêm phòng hàng năm theo quy định.

- Khuyến khích phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp. Chú trọng nâng cao chất lượng đàn gia súc, gia cầm và phòng chống dịch bệnh; chuyển đổi diện tích một số cây trồng kém hiệu quả sang trồng cỏ chăn nuôi, diện tích gieo trồng cỏ đến năm 2020 đạt 650 ha.

- Gắn các cơ sở chăn nuôi tập trung với cơ sở giết mổ và chế biến, đầu tư xây dựng 6 khu chăn nuôi tập trung và 7 khu giết mổ tập trung theo quy hoạch. Nâng tỷ trọng ngành chăn nuôi chiếm 30 - 35% giá trị sản xuất ngành nông nghiệp vào năm 2020. Đến năm 2020, đàn bò thịt có khoảng 20.000 con (trong đó 80% lai Sind); đàn bò sữa từ 18.000-20.000 con (trong đó có khoảng 16.000-18.000 con chăn nuôi theo quy mô tập trung, ứng dụng kỹ thuật tiên tiến tại khu vực các xã Tà Năng - Dạ Quyn với quy mô đồng cỏ 3.000-4.000 ha); đàn heo 120.000 con chủ yếu là heo hướng nạc; đàn gia cầm 1,2 triệu con.

c) Phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt bằng nhiều hình thức nuôi, khai thác những khu vực có điều kiện để nuôi cá nước lạnh, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 khoảng 500 ha, sản lượng 1.500 tấn.

#### d) Về lâm nghiệp:

Ổn định lâm phần theo quy hoạch, diện tích đất lâm nghiệp đến năm 2020 đạt 43.123 ha, bao gồm 24.307 ha rừng sản xuất và 18.816 ha rừng phòng hộ, duy trì độ che phủ của rừng đạt 45-48%. Gắn cải tạo rừng nghèo kiệt với giao khoán quản lý bảo vệ, trồng rừng bổ sung, trồng rừng kinh tế, hàng năm trồng 250 – 360 ha rừng tập trung. Khai thác lâm sản hợp lý, sản lượng hàng năm khoảng 10.000 m<sup>3</sup> gỗ tròn các loại và 50.000 ster củi; thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; nâng tỷ trọng lâm nghiệp trong cơ cấu ngành nông lâm nghiệp lên 7-8%.

đ) Về phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới:

- Phát triển mạnh dịch vụ và ngành nghề nông thôn để chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn hợp lý. Đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp; gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; tích cực hỗ trợ và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, khuyến nông, khuyến lâm, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, hoàn thiện hệ thống thuỷ lợi, giao thông nông thôn, đến năm 2020 đường ô tô đến các thôn, buôn; điện và nước sạch sinh hoạt được cung cấp cho hầu hết dân cư; thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, giáo dục, định canh định cư, văn hoá – thông tin...; đảm bảo điều kiện học tập, chữa bệnh và sinh hoạt văn hoá, tinh thần cho nhân dân; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc bản địa; giữ vững an ninh trật tự; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

- Xây dựng huyện Đức Trọng đạt chuẩn huyện nông thôn mới vào năm 2016; thời kỳ 2013-2016 củng cố và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được của xã điểm Tân Hội, hoàn thành cơ bản các tiêu chí nông thôn mới của các xã Liên Hiệp, Bình Thạnh, Ninh Loan vào năm 2014; các xã Phú Hội, Hiệp An, Hiệp Thạnh, Đà Loan, Tân Thành, Ninh Gia năm 2015 và Tà Năng vào năm 2016; các xã còn lại hoàn thành tiêu chí nông thôn mới vào năm 2020.

**2. Công nghiệp:** tập trung phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế và sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ; phát triển công nghiệp phụ trợ, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích phát triển ngành tiểu thủ công nghiệp phục vụ du lịch.

- Đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản, đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm; gắn xây dựng nhà máy chế biến với ổn định và mở rộng vùng nguyên liệu; kết hợp phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản tại các khu, điểm công nghiệp với các cơ sở quy mô vừa và nhỏ trong vùng nguyên liệu nhằm góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

- Thu hút đầu tư xây dựng nhà máy chế biến và cấp đông rau quả, đóng gói hoa tươi, sản xuất rượu vang, nước khoáng, chế biến thịt và các chế phẩm từ thịt, chế biến thức ăn gia súc, mở rộng quy mô và đổi mới công nghệ cho các nhà máy chế biến cà phê hiện có, xây dựng nhà máy sơ chế - lau bóng cà phê, chế biến cà phê hoà tan, mở rộng quy mô và nâng cấp công nghệ tinh chế gỗ.

- Thu hút đầu tư phát triển ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản; đổi mới công nghệ và mở rộng quy mô chế biến cao lanh phục vụ xuất khẩu

và sản xuất gốm sứ, vật liệu chịu lửa; xây dựng nhà máy chế biến bentonite.

- Đầu tư mới các cơ sở sản xuất gạch không nung, gạch ốp lát, gạch siêu nhẹ, ngói màu xi măng, sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn và bê tông tươi (từ các trạm trộn); sản xuất tấm lợp và xà gỗ kim loại; khai thác đá và cát xây dựng. Phát triển thủy điện tích năng, điện gió theo quy hoạch. Khuyến khích mở rộng các cơ sở tiểu thủ công nghiệp như: xay xát và chế biến lương thực, mộc dân dụng, cơ khí - sửa chữa, thủ công mỹ nghệ (mây - tre - đan, hoa khô, tranh thêu...) ngày càng đa dạng, phong phú về loại hình và quy mô nhằm phát huy lợi thế các ngành nghề truyền thống và phục vụ du lịch. Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ và thu hút đầu tư để lấp đầy khu công nghiệp Phú Hội và Tân Phú.

**3. Thương mại - Du lịch - Dịch vụ:** phát triển dịch vụ với tốc độ cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa Đức Trọng trở thành một trong những trung tâm dịch vụ, mua sắm lớn của tỉnh.

- Về thương mại: đa dạng hóa các loại hình thương mại, mở rộng các hình thức kinh doanh, mua bán, trao đổi hàng hóa ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm đảm bảo tiêu thụ nông sản, cung ứng đầy đủ và kịp thời hàng hóa cho dân cư và phục vụ sản xuất; tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ thời kỳ 2011-2015 tăng 25-26%/năm và 23-24%/năm thời kỳ 2016-2020. Giữ vững thị trường truyền thống và tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu. Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng thương hiệu và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn phù hợp. Đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị tại các đô thị và khu dân cư trung tâm... hoàn thành chợ đầu mối nông sản, xây dựng sàn giao dịch hoa và chợ nông thôn tại các xã. Nâng cấp các các điểm dừng chân và dịch vụ dọc quốc lộ 20 và khu vực sân bay Liên Khương. Phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng theo quy hoạch.

- Về du lịch: phát huy lợi thế về vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên văn hoá để phát triển du lịch với các loại hình: du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa, du lịch tham quan, nghiên cứu... Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các dự án du lịch: hồ Đại Ninh, suối khoáng nóng P're..., thu hút đầu tư các dự án du lịch tại núi Voi, hồ Nam Sơn...; tôn tạo các điểm du lịch Trúc Lâm Viên, thác Pongour, thác Liên Khương, thác Bảo Đại...; xây dựng các làng nghề, làng văn hoá đồng bào dân tộc (làng K'Long, làng Gà - Đa Ra Hoa...). Hợp tác với thành phố Đà Lạt và các địa phương trong và ngoài tỉnh xây dựng các tour, tuyến du lịch. Đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, đặc biệt đường giao thông nối các khu, điểm du lịch với các quốc lộ, tỉnh lộ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho lao động du lịch, phát triển đồng bộ hệ thống khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ phục vụ du lịch.

- Dịch vụ: phát triển và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ:

+ Vận tải: đa dạng hóa các loại hình vận tải hành khách và hàng hóa nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội với chất lượng cao, nhanh chóng, thuận tiện, an toàn; tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông; khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới và hiện đại hóa các phương tiện vận tải đảm bảo tiện nghi, an toàn và bảo vệ môi trường; xây dựng trung tâm dịch vụ logistics.

+ Thông tin, truyền thông: hiện đại hóa mạng lưới bưu chính viễn thông; mở rộng các tuyến truyền dẫn; phát triển mạng dịch vụ Internet; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất và đời sống.

+ Phát triển đồng bộ các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống dân cư; mở rộng các dịch vụ có giá trị gia tăng cao như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; nâng cao chất lượng dịch vụ việc làm, an sinh xã hội, dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp.

#### **4. Quy hoạch phát triển các lĩnh vực xã hội**

##### **a) Dân số và lao động:**

- Đẩy mạnh công tác dân số kế hoạch hoá gia đình, giảm tỷ lệ tăng tự nhiên 0,02%/năm, đến năm 2020 dân số toàn huyện khoảng 243.000 người. Thực hiện có hiệu quả các chương trình giảm nghèo và an sinh xã hội, giảm tỷ lệ hộ nghèo 1,5 – 2%/năm theo chuẩn nghèo từng giai đoạn, riêng với các xã có tỷ lệ hộ nghèo lớn giảm 4%/năm; nâng dần mức sống của các hộ đã thoát nghèo, khắc phục tình trạng tái nghèo. Bố trí sắp xếp lại dân cư, giải quyết đất ở và đất canh tác, giao khoán quản lý bảo vệ rừng, hỗ trợ làm nhà ở... nhằm định canh, định cư bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tổng số lao động đến năm 2020 khoảng 127.000 người. Phát triển sản xuất, mở mang ngành nghề để chuyển dịch cơ cấu lao động, đến năm 2020 tỷ lệ lao động nông nghiệp chiếm 40%, công nghiệp 25% và dịch vụ 35%. Thực hiện có hiệu quả chương trình quốc gia về đào tạo nghề và giải quyết việc làm, đến năm 2015 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40%-45% (đào tạo nghề 35%) và 50%-55% (đào tạo nghề 45%) vào năm 2020; hàng năm giải quyết việc làm cho khoảng 4.000 người.

##### **b) Giáo dục - đào tạo:**

- Phát triển giáo dục toàn diện, bảo đảm tốt cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên; huy động tất cả trẻ em trong độ tuổi đi học đến trường học. Duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trong những năm tiếp theo; thực hiện phổ cập giáo dục trung học ở những vùng có điều kiện. Phấn đấu đến năm 2020, có 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục trung học phổ thông và tương đương. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, ưu tiên phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; giảm chênh lệch về giáo dục giữa các vùng trong huyện.

- Nâng cấp và xây dựng mới các trường đạt chuẩn quốc gia:

+ Đối với giáo dục mầm non: đến năm 2015 có 50% số trường (11/22 trường) đạt chuẩn quốc gia trong đó có 4 trường đạt chuẩn mức độ 2 và đến năm 2020 có 100% trường đạt chuẩn quốc gia trong đó có 8 trường đạt chuẩn mức độ 2.

+ bậc tiểu học: đến năm 2015 có 80% số trường (28/35 trường) đạt chuẩn quốc gia trong đó có 10 trường đạt chuẩn mức độ 2 và đến năm 2020 có 94,3% trường đạt chuẩn quốc gia trong đó có 17 trường đạt chuẩn mức độ 2.

+ bậc trung học cơ sở: đến năm 2015 có 40% số trường (8/20 trường) đạt

chuẩn quốc gia 2 và đến năm 2020 có 85% trường (17/20 trường) đạt chuẩn quốc gia.

+ **Bậc trung học phổ thông:** đến năm 2015 có 33,3% số trường (2/6 trường) đạt chuẩn quốc gia và đến năm 2020 có 83,3% trường (5/6) trường đạt chuẩn quốc gia.

- Đa dạng các hình thức đào tạo nghề; đẩy mạnh đào tạo nghề tại khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số; gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động.

c) **Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân:**

- Xã hội hoá và phát triển hệ thống y tế đồng bộ từ huyện đến cơ sở; nâng cao chất lượng các dịch vụ khám chữa bệnh và bảo vệ sức khỏe cộng đồng; thực hiện tốt bảo hiểm y tế tự nguyện; tăng cường các hoạt động y tế dự phòng, giám sát, tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh.

- Nâng cao chất lượng bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; thực hiện tốt chương trình tiêm chủng mở rộng và phòng chống suy dinh dưỡng, đến năm 2015, tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 10% và dưới 7% vào năm 2020. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có năng lực cao và chuẩn mực về y đức, đến năm 2020, bình quân có 7 bác sĩ/1 vạn dân, mỗi trạm y tế có ít nhất 6 cán bộ y tế, mỗi thôn, buôn có 1 - 2 nhân viên y tế.

- Hiện đại hóa các cơ sở y tế, nâng cấp bệnh viện huyện lên hạng 2; xây dựng và nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực Ninh Gia, Liên Nghĩa, Đà Loan, xây dựng trung tâm y tế dự phòng huyện; xây dựng và nâng cấp trạm y tế các xã, duy trì 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; đến năm 2020 bình quân có 30 giường bệnh/vạn dân.

d) **Văn hóa thể thao:**

- Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, thực hiện tốt nếp sống văn minh; nâng cao mức hưởng thụ về văn hóa, thu hút người dân tham gia vào các hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn; xây dựng cộng đồng ổn định về chính trị, dân chủ, hòa thuận, nhân ái giàu bản sắc dân tộc, có môi trường xanh – sạch – đẹp – an toàn; đến năm 2015 có 85% thôn, buôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa, 80-85% số hộ đạt gia đình văn hóa; đến năm 2020, có 95% thôn, buôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa, 90% số hộ gia đình đạt gia đình văn hóa, 100% số xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới.

- Phát triển phong trào thể dục - thể thao quần chúng đặc biệt trong trường học. Đến năm 2020, có trên 30% dân số tập luyện thể dục - thể thao; thường xuyên tổ chức các hoạt động biểu diễn, thi đấu, hội thao. Từng bước đầu tư và đào tạo phát triển các môn thể thao thành tích cao.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thông tin, thể dục – thể thao đến cơ sở. Đến năm 2015, 90% số xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa, 80% số thôn, buôn, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng; đến năm 2020, tất cả các xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa; toàn bộ thôn, buôn, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng và khu thể thao đạt chuẩn theo quy định.

**5. Quy hoạch đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng**



a) Giao thông vận tải: phát triển đồng bộ mạng lưới giao thông, mở rộng giao thông đối ngoại, hoàn thiện hệ thống giao thông trong địa bàn huyện, đảm bảo giao thông thông suốt đến trung tâm các xã, các khu dân cư tập trung; xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn đạt tiêu chí nông thôn mới.

- Hàng không: tạo điều kiện nâng cấp cảng hàng không Liên Khương theo Quy hoạch tổng thể cảng hàng không Liên Khương đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025 đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định số 1375/QĐ – BGTVT ngày 27/6/2006; tăng thêm các đường bay trong nước và mở đường bay quốc tế đến cảng hàng không Liên Khương.

- Đường bộ:

+ Phối hợp và tạo điều kiện để triển khai xây dựng đường cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt (đoạn qua huyện dài 48 km), nâng cấp quốc lộ 20 đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe; quốc lộ 27 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 2 làn xe, riêng đoạn từ Km171 đến ngã ba Phi Nôm xây dựng tuyến tránh sân bay Liên Khương đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe; nâng cấp đường tỉnh 724, 725 và xây dựng đường tỉnh 728, 729 đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV miền núi.

+ Nâng cấp và đầu tư xây dựng các tuyến đường đô thị thị trấn Liên Nghĩa, thị trấn Đại Ninh, khu đô thị Liên Khương – Prenn; ưu tiên đầu tư đường vành đai thị trấn Liên Nghĩa và đường 2 bên sông Đa Nhim. Xây dựng và nâng cấp các tuyến đường huyện với tổng chiều dài 118 km, gồm: đường Thống nhất (Quốc lộ 20 cũ); đường Liên Nghĩa – Tu Tra; đường Tân Hội – Tân Thành; đường ĐH 1 (Liên Nghĩa – N’Thol Hạ – Tân Hội); đường ĐH 2 (Tân Phú - Tân Hội - N’Thol Hạ); đường ĐH 3 (Hồ Xuân Hương – Tân Phú – Tân Thành – Pongour – Quốc lộ 20 ) đường ĐH 4 (Bồng Lai – Nông trường bò sữa); đường ĐH 5 (Đà Loan – Bắc Bình); đường ĐH 6 (Phú Hội – Đa Quyn – Ma Bó) đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi. Xây dựng bến xe trung tâm huyện, bến xe Ninh Gia, Phi Nôm, Tân Hội. Phát triển mạng lưới giao thông nông thôn đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Xây dựng trung tâm đăng kiểm phương tiện cơ giới.

b) Thủy lợi:

Đầu tư đồng bộ các công trình thủy lợi để cung cấp nước tưới cho diện tích lúa 2 vụ và mở rộng diện tích tưới cho cà phê, rau, hoa; thời kỳ 2013-2020 hoàn thành các công trình: hồ K’Nai, hồ Nam Sơn, sửa chữa nâng cấp hồ Bà Hòa, hồ Thôn 4 (xã N’Thol Hạ) kiên cố hóa 37,2 km kênh mương và xây dựng mới các công trình: đập dâng Đa Quân 2 (xã Đa Quyn), Klong Tum (xã N’Thol Hạ), Fatima (xã Bình Thạnh); hồ Ta Hóet (xã Hiệp An), hồ Hiệp Thuận (xã Ninh Gia), hồ Đa Loan (xã Đà Loan), hồ Phú Hội (xã Phú Hội); trạm bơm Phú Ao (xã Tà Hine)... và các công trình hồ đập thủy lợi vừa nhỏ vùng đồng bào dân tộc; nâng diện tích tưới lên thêm 4.700ha.

c) Hệ thống điện:

Cải tạo, xây dựng đồng bộ mạng lưới điện; kết nối và tăng công suất các trạm đầu mối để ổn định nguồn; kêu gọi đầu tư thủy điện tích năng, điện gió ở những nơi có điều kiện và phù hợp với quy hoạch. Phát triển đồng bộ hệ thống

phân phối điện đến tất cả các khu công nghiệp, khu du lịch, các điểm dân cư, các vùng sản xuất tập trung. Từng bước hiện đại và ngầm hóa hệ thống lưới điện đô thị. Chú trọng phát triển mạng lưới điện nông thôn, tỷ lệ hộ sử dụng điện đến năm 2015 đạt trên 98% và 100% vào năm 2020.

d) Nước sinh hoạt:

Nâng công suất nhà máy cấp nước tại thị trấn Liên Nghĩa lên 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và mở rộng phạm vi cấp nước cho các xã Bình Thạnh, Hiệp Thạnh, Hiệp An, Liên Hiệp; xây dựng hệ thống cấp nước cho thị trấn Đại Ninh công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; hệ thống cấp nước cho khu công nghiệp Phú Hội và Tân Phú. Đầu tư các công trình cấp nước tập trung, nước tự chảy, bể chứa và vận động nhân dân khoan, đào giếng, xử lý nước hợp vệ sinh tại các vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa, tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 95% vào năm 2015 và 100% vào năm 2020.

đ) Thoát nước và vệ sinh môi trường:

- Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước đô thị. Nước thải từ các khu công nghiệp, bệnh viện được thu gom xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải vào hệ thống chung; nước thải sinh hoạt và chăn nuôi tại khu dân cư nông thôn được xử lý tại các bể biogas và ao sinh học gia đình trước khi thải ra sông, suối.

- Thu gom và xử lý chất thải rắn đô thị và các khu du lịch theo quy trình; tại khu vực nông thôn rác thải được thu gom, đốt hoặc ngâm ủ để tái sử dụng. Tăng cường vệ sinh nông thôn, đến năm 2015 có 80% số hộ có công trình phụ hợp vệ sinh, 70% số chuồng trại chăn nuôi được xử lý chất thải; đến năm 2020 tất cả hộ gia đình có công trình phụ hợp vệ sinh, 100% rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý.

e) Bưu chính viễn thông:

Hiện đại hoá mạng bưu chính viễn thông, ngầm hóa mạng ngoại vi, xây dựng các trạm thu phát sóng di động nhằm phủ sóng điện thoại di động toàn huyện; phát triển viễn thông công ích tại các xã Tà Năng, Tà Hine và Đa Quyn. Xây dựng nhà văn hoá bưu điện và mạng lưới internet đến trung tâm các xã, đến năm 2015 tất cả các xã có điểm truy nhập internet công cộng.

## 6. Phát triển khoa học công nghệ

Tập trung ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hiện đại; nghiên cứu, chuyển giao trong lĩnh vực công nghệ sinh học; xây dựng chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm rau hoa, cà phê...; hoàn thiện và áp dụng rộng rãi Quy trình sản xuất thực hành nông nghiệp tốt (GAP), xây dựng các chứng nhận về an toàn cho nông sản theo các chuẩn GlobalGAP, EuroGAP, VietGAP, đẩy mạnh áp dụng khoa học và công nghệ trong phát triển ngành nghề nông thôn. Trong công nghiệp, coi trọng việc lựa chọn công nghệ, thiết bị để hiện đại hóa một số ngành sản xuất sản phẩm xuất khẩu. Cùng cố và phát triển mạng lưới khuyến nông, khuyến công. Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ, đào tạo bồi dưỡng và thu hút đội ngũ cán bộ quản lý, lao động có trình độ tay nghề cao đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

## **7. Bảo vệ môi trường**

Sử dụng hợp lý và bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên, phòng ngừa suy thoái và ô nhiễm môi trường, khuyến khích các cơ sở sản xuất đổi mới công nghệ; áp dụng công nghệ sạch và thân thiện với môi trường. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; trồng cây xanh đô thị, duy trì, phấn đấu nâng cao tỷ lệ che phủ và chất lượng rừng. Xây dựng đô thị theo hướng hiện đại và thân thiện với môi trường.

## **8. Kết hợp kinh tế với đảm bảo an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh**

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh theo mục tiêu: cấp huyện và cấp xã có kinh tế - xã hội phát triển và vững mạnh về quốc phòng - an ninh. Xây dựng hệ thống chính trị các cấp vững mạnh; lực lượng vũ trang và an ninh nhân dân cơ sở tinh thông nghiệp vụ, sẵn sàng chiến đấu; xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân vững mạnh; chủ động đấu tranh phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; kiểm chế, ngăn ngừa và giảm thiểu tai nạn giao thông. Đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng - an ninh trên địa bàn theo quy hoạch.

## **9. Tổ chức không gian**

a) Quy hoạch sử dụng đất: sử dụng đất hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm, đảm bảo cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài. Thời kỳ 2013-2020 ổn định đất nông nghiệp, khai thác đất chưa sử dụng để mở rộng đất xây dựng cơ sở hạ tầng, đất đô thị, đất ở nông thôn... Đến năm 2020, diện tích đất sản xuất nông nghiệp 19.256 ha, chiếm 36,0% diện tích tự nhiên toàn huyện; đất lâm nghiệp 43.123 ha, chiếm 47,82%; đất phi nông nghiệp 13.204 ha, chiếm 14,64% (trong đó đất phát triển hạ tầng 4.254 ha).

- Phát triển đô thị: nâng cấp, chỉnh trang và mở rộng thị trấn Liên Nghĩa có kết cấu hạ tầng tương đương đô thị loại III; xây dựng khu đô thị Liên Khương - Prenn, xây dựng hạ tầng thị trấn Đại Ninh và trung tâm cụm xã Đà Loan.

- Tổ chức đơn vị hành chính: trên cơ sở nâng cấp huyện Đức Trọng thành thị xã; chia tách xã Ninh Gia thành thị trấn Đại Ninh và xã Ninh Gia; chia tách xã Phú Hội thành xã Phú Hội và xã P'ré; chia tách thị trấn Liên Nghĩa thành 4 phường, kết hợp với các xã Hiệp An, Hiệp Thạnh, Liên Hiệp thành 7 phường nội thị của thị xã Đức Trọng.

### **b) Phân vùng kinh tế:**

- Tiểu vùng 1: gồm khu vực nội thị của thị xã Đức Trọng (Liên Nghĩa, Hiệp An, Hiệp Thạnh, Liên Hiệp và xã Phú Hội). Đây là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa của thị xã. Tiểu vùng này lấy thị trấn Liên Nghĩa làm trung tâm chính và khu đô thị Liên Khương - Prenn làm đô thị vệ tinh. Định hướng phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tại Khu công nghiệp Phú Hội và Khu công nghiệp - đô thị Tân Phú. Tập trung đầu tư và thu hút đầu tư để phát triển thương mại - dịch vụ, xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đầu mối nông sản, sàn giao dịch hoa...; phát triển sản xuất rau hoa ứng dụng công nghệ cao; đầu tư hạ tầng đô thị.

- Tiểu vùng 2: gồm thị trấn Đại Ninh, xã Pré (mới) và xã Ninh Gia, định hướng phát triển du lịch, sản xuất cây công nghiệp dài ngày (cà phê, dâu tằm...) và cây lương thực; công nghiệp cơ khí, khai thác và chế biến khoáng sản.

- Tiểu vùng 3: gồm các xã N'Thol Hạ, Bình Thạnh, Tân Hội và Tân Thành lấy xã Tân Hội làm trung tâm. Định hướng là mô hình điểm xây dựng nông thôn mới, kinh tế hợp tác, phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao các loại cây trồng như cà phê, dâu tằm, rau, hoa.

- Tiểu vùng 4: gồm các xã Tà Hine, Đà Loan, Ninh Loan, Tà Năng, Đa Quyn, định hướng phát triển nông nghiệp theo mô hình nông lâm kết hợp, chăn nuôi trang trại, chăn nuôi tập trung quy mô lớn, hiện đại; sản xuất vật liệu xây dựng; đầu tư hạ tầng và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

#### **10. Các dự án ưu tiên đầu tư (theo biểu đính kèm).**

### **IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

#### **1. Giải pháp vốn đầu tư**

##### **a) Nhu cầu đầu tư:**

Để đạt được mục tiêu và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2011 - 2020 và tốc độ tăng trưởng kinh tế như đã dự báo, ước tính nhu cầu vốn đầu tư thời kỳ 2011-2020 khoảng 78.000 tỷ đồng; trong đó giai đoạn 2011-2015 khoảng 22.000 tỷ đồng, thời kỳ 2016-2020 khoảng 56.000 tỷ đồng.

##### **b) Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư:**

- Để đáp ứng được nhu cầu vốn đầu tư cần có các biện pháp huy động vốn một cách tích cực, trong đó phát huy nguồn nội lực là chủ yếu, đặc biệt thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách để đạt tỷ lệ huy động ngân sách so với GDP đạt 10-11% vào năm 2015 và 9-9.5% vào năm 2020.

- Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách về đất đai, tài chính...; tranh thủ các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, chủ động tìm kiếm các nguồn vốn ODA và thực hiện cơ chế khai thác quỹ đất hợp lý để đầu tư xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, mở rộng các hình thức đầu tư BOT, BT, BTO...; khuyến khích phát triển đa dạng các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hỗ trợ phát triển các hiệp hội, hội nghề nghiệp để thu hút vốn từ các thành phần kinh tế đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Xúc tiến thu hút đầu tư vào các địa bàn trọng điểm; hỗ trợ đầu tư cho các dự án thuộc vùng khó khăn, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tích cực huy động các nguồn vốn trong cộng đồng dân cư và các nguồn lực khác theo phương thức xã hội hóa để đầu tư phát triển các lĩnh vực văn hóa-xã hội.

##### **2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực:**

- Sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn nhân lực, có các chính sách thu hút cán bộ đến công tác tại huyện; hỗ trợ đào tạo và phát triển các hình thức dạy nghề cho lao động nông thôn, giải quyết tốt việc làm.

- Đẩy mạnh phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng xã hội hóa, nhất là

đào tạo nghề cho lao động nông thôn; khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động, tạo cơ sở để chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn.

- Nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức. Ưu tiên đào tạo tại chỗ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số; phối hợp với các già làng, trưởng bản, các chức sắc, chức việc của tôn giáo trong việc vận động người dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước.

- Quan tâm, tạo điều kiện và giúp đỡ các loại hình kinh tế hợp tác phát triển; khôi phục và mở rộng các ngành nghề truyền thống, nghề mới ở địa phương, phát huy thế mạnh của kinh tế hộ gia đình và trang trại tùy điều kiện của từng tiểu vùng.

**3. Giải pháp về phát triển thị trường:** xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm sản xuất trên địa bàn huyện, nhất là sản phẩm nông sản. Tổ chức tốt mạng lưới tiêu thụ nông sản, tăng cường xúc tiến thương mại để thu hút đầu tư, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước.

**4. Cải cách thủ tục hành chính, huy động nguồn lực của các thành phần kinh tế:**

- Tiếp tục cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính; thực hiện việc thu hút đầu tư có chọn lọc; công khai quy hoạch sử dụng đất và các dự án đầu tư. Thường xuyên tổ chức gặp mặt, đối thoại và giải quyết kịp thời các khó khăn, bức xúc và lợi ích chính đáng của nhà đầu tư,...

- Nâng cao năng lực và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính, thủ tục đầu tư cho các nhà đầu tư. Tổ chức thực hiện tốt mô hình 1 cửa và 1 cửa liên thông ở các xã, thị trấn. Giải quyết kịp thời, nhanh chóng, thuận tiện các yêu cầu của tổ chức và người dân.

- Tạo môi trường phát triển sản xuất kinh doanh thuận lợi hơn cho các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn huyện, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

- Tích cực phát triển thị trường mới, nhất là thị trường ở vùng sâu, vùng xa nhằm thực hiện tốt việc tiêu thụ hàng hóa nông sản do nông dân sản xuất.

**5. Giải pháp bảo vệ tài nguyên, môi trường:**

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và khuyến khích cả cộng đồng dân cư về việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Phát động phong trào quần chúng tham gia bảo vệ môi trường, lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường với cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*".

- Tăng cường công tác bảo vệ môi trường tại Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nâng cao chất lượng thẩm định yêu cầu bảo vệ môi trường trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển; Đẩy mạnh bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật,...

#### IV. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng có trách nhiệm tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2020 đến các cấp ủy Đảng, chính quyền, các phòng ban, đoàn thể, các doanh nghiệp trên địa bàn huyện sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng xây dựng chương trình hành động để triển khai thực hiện quy hoạch này. Trong quá trình thực hiện cần có đánh giá, rà soát, kiến nghị điều chỉnh bổ sung quy hoạch cho phù hợp với xu thế phát triển mới.

3. Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân trên địa bàn có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch.

**Điều 2.** Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đức Trọng đến năm 2020 là cơ sở cho việc lập, trình phê duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành khác), kế hoạch 5 năm, hàng năm và các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn huyện.

**Điều 3.** Các sở, ban, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng trong quá trình thực hiện quy hoạch, trong việc điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch ngành, lĩnh vực đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của quy hoạch.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND huyện Đức Trọng;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH<sub>2</sub>.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Tiên

**Phụ lục**  
**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2020**  
**HUYỆN ĐỨC TRỌNG**

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-UBND, ngày 05 tháng 6 năm 2014  
của UBND tỉnh Lâm Đồng)



|           |  |
|-----------|--|
| <b>I</b>  | <b>CÁC DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG, TỈNH ĐẦU TƯ</b>  |
| 5         | Khu đô thị Liên Khương – Prenn.  |
| 3         | Hạ tầng khu công nghiệp Phú Hội giai đoạn 2.   |
| 4         | Hạ tầng khu công nghiệp và đô thị Tân Phú.   |
| 2         | Đường cao tốc Liên Khương - Dầu Dây.   |
| 1         | Nâng cấp quốc lộ 20, 27, đường tỉnh 724, 725 và xây dựng đường tỉnh 728, 729...  |
| <b>II</b> | <b>CÁC DỰ ÁN DO HUYỆN QUẢN LÝ</b>  |
| 1         | Xây dựng đường vành đai thị trấn Liên Nghĩa và đường 2 bên sông Đa Nhim.   |
| 2         | Nâng cấp các tuyến đường huyện: đường Thống Nhất (Quốc lộ 20 cũ); đường Liên Nghĩa – Tu Tra; đường Tân Hội – Tân Thành; đường ĐH 1 (Liên Nghĩa – N’Thol Hạ – Tân Hội); đường ĐH 2 (Tân Phú, Tân Hội đến N’Thol Hạ); đường ĐH 3 (Hồ Xuân Hương – Tân Phú – Tân Thành – Pongour – QL20) đường ĐH 4 (Bồng Lai – Nông trường bò sữa); đường ĐH 5 (Đà Loan – Bắc Bình); đường ĐH 6 (Phú Hội – Đa Quyn – Ma Bó). |
| 3         | Xây dựng và nâng cấp đường nội thị thị trấn Liên Nghĩa; bến xe trung tâm huyện, bến xe cụm xã Ninh Gia, bến xe Phi Nôm, Tân Hội.   |
| 4         | Xây dựng các hồ thủy lợi K’Nai (Phú Hội), Nam Sơn (Liên Nghĩa), Ta Hoét (Hiệp An), Hiệp Thuận (Ninh Gia), đập dâng K’Long Tum (N’Thol Hạ), Fatima (Bình Thạnh) và các công trình thủy lợi nhỏ cho vùng đồng bào dân tộc.   |
| 5         | Xây dựng hạ tầng đô thị thị trấn Đại Ninh và hạ tầng trung tâm các xã mới chia tách  |
| 6         | Hiện đại hóa bệnh viện Huyện và nâng cấp lên hạng II; xây dựng Trung tâm y tế dự phòng huyện, khám đa khoa khu vực Đại Ninh, Đà Loan; nâng cấp và chuẩn hóa các trạm y tế xã.  |
| 7         | Xây dựng và chuẩn hóa trường mầm non, trường tiểu học, trường phổ thông cơ sở, trường phổ thông trung học và các trường hướng nghiệp, dạy nghề theo quy hoạch mạng lưới trường lớp của Huyện.  |
| 8         | Xây dựng quảng trường trung tâm huyện và Thiết chế văn hoá – thông tin - thể thao tại các xã.  |
| 9         | Xây dựng hệ thống thoát nước thị trấn Liên Nghĩa và chợ đầu mối nông sản.  |

| III | CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH KÊU GỌI ĐẦU TƯ   |
|-----|---|
| 1   | Các dự án du lịch: hồ Nam Sơn, thác Liên Khương, thác Gouga, thác Bảo Đại, núi Voi...   |
| 2   | Các dự án chế biến, cấp đông rau - quả, đóng gói hoa tươi, chế biến sữa - thịt, chế biến thức ăn gia súc, chế biến cà phê hoà tan, tinh chế gỗ, sản xuất rượu vang, nước khoáng...    |
| 3   | Mở rộng và nâng cấp các cơ sở chế biến caolin, bentonit, sản xuất gốm sứ, vật liệu chịu lửa...  |
| 4   | Các dự án sản xuất gạch không nung, gạch ốp lát, gạch siêu nhẹ, ngói màu xi măng, sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn và bê tông thương phẩm, sản xuất tấm lợp tôn và xà gồ kim loại... |
| 6   | Các dự án điện gió và thủy điện tích năng phù hợp với theo quy hoạch.   |
| 7   | Các dự án sản xuất rau an toàn và ứng dụng công nghệ cao.   |
| 8   | Dự án sản xuất, bảo quản và đóng gói hoa tươi.  |
| 9   | Dự án chuyển đổi giống cà phê và xây dựng thương hiệu cà phê Đức Trọng.   |
| 10  | Các dự án chăn nuôi bò sữa, bò thịt, heo và gia cầm quy mô công nghiệp và mô hình trang trại.   |
| 11  | Xây dựng sàn giao dịch hoa Liên Khương, các trung tâm thương mại, siêu thị tại các đô thị và chợ nông thôn tại các xã.  |
| 12  | Nâng cấp các các điểm dừng chân và dịch vụ dọc quốc lộ 20 và khu vực sân bay Liên Khương.   |
| 13  | Xây dựng mạng lưới kinh doanh xăng dầu theo quy hoạch.  |
| 14  | Xây dựng trung tâm đào tạo lái xe, trung tâm dịch vụ logistics.   |
| 15  | Xây dựng các làng nghề, làng văn hoá đồng bào dân tộc.  |
| 16  | Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt khu vực thị trấn Liên Nghĩa và vùng phụ cận; xây dựng hệ thống cấp nước tập trung thị trấn Đại Ninh.                                    |
| 17  | Xây dựng nhà máy xử lý rác thải.  |

**Ghi chú:** Về vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của từng dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập, trình duyệt dự án đầu tư và tùy thuộc vào khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của địa phương trong từng giai đoạn cụ thể./.